

**KẾ HOẠCH DỰ TOÁN THU, CHI PHỤC VỤ BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2017 - 2018**

Căn cứ vào điều lệ trường Mầm non ; Văn bản hợp nhất số 04/VBHN - BGDDĐT ngày 24/12/2015
quyết định ban hành điều lệ trường Mầm non.

Căn cứ vào thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT - BGDDĐT - BNV ngày 16/3/2015 của liên tịch bộ giáo dục và đào tạo, bộ nội vụ " Quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục Mầm non công lập".

Căn cứ công văn số 2257/SGDDĐT-KHTC ngày 23/08/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh . V/v Hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2017 - 2018;

Căn cứ công văn số: 868/PGD&ĐT ngày 29/8/2017 V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong các trường MN,TH,THCS trên địa bàn thị xã năm học 2017-2018

Căn cứ công văn số 2433/SGDDĐT-KHTC ngày 07/09/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh . V/v Hướng dẫn bổ sung việc thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh năm học 2017 - 2018;

Căn cứ công văn số 922/PGD-ĐT ngày 08/09/2017. V/v Hướng dẫn bổ sung việc thực hiện các khoản thu trong các trường MN.TH.THCS trên địa bàn thị xã năm học 2017 - 2018;

Căn cứ vào biên bản kiểm kê tài sản, đồ dùng bán trú ngày 16/08/2016

Căn cứ tổng số trẻ ăn bán trú tại trường: 202, trong đó: số trẻ mới vào học ăn bán trú : 46 trẻ - Trẻ đã học ăn bán trú : 156 - Tổng nhóm lớp 09 lớp

Căn cứ tình hình thực tế và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Trường mầm non Họa Mi xây dựng kế hoạch thu - Chi các khoản đầu năm học 2017 - 2018

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Mục đích :

Mục đích của nhà trường về việc thu các khoản theo quy định và theo thỏa thuận giữa nhà trường và hội cha mẹ học sinh nhằm đảm bảo công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục, thay cha mẹ trẻ làm nhiệm vụ chăm sóc trẻ tại trường mầm non để trẻ có đủ điều kiện cơ sở vật chất và điều kiện vui chơi, học tập tốt hơn, xây dựng trường học thân thiện và an toàn

2. Yêu cầu :

Việc quản lý thu, chi đúng theo nguyên tắc tài chính.

Việc huy động nguồn đóng góp phải đảm bảo đúng nguyên tắc thỏa thuận và tự nguyện
Quyết toán công khai sau khi đã mua sắm đồ dùng, tài sản từ các khoản thỏa thuận của phụ huynh

II.THỰC HIỆN NỘI DUNG THU - CHI :

Năm học 2017 - 2018 trường mầm non Họa Mi có 09 nhóm lớp với 202 học sinh

Số phòng học kiên cố đưa vào sử dụng là 09 phòng học. Đủ điều kiện để học bán trú 2 buổi /ngày

Năm học 2017 - 2018 nhà trường cần thu chi các khoản như sau:

1. Các khoản thu theo quy định:

Cấp học	Mức thu học phí		
	Vùng thành thị	Vùng nông thôn	Vùng miền núi
Mầm non	125,000	50,000	20,000
Trung học cơ sở	60,000	30,000	15,000
Trung học phổ thông	125,000	50,000	20,000

1.1. Học phí:

Mức thu: 50.000đ/HS/tháng

Hình thức thu: Thu theo kỳ:

+ Kỳ I: 4 tháng: 50.000đ x 4 tháng = 200.000đ/HS

+ Kỳ II: 5 tháng: 50.000đ x 5 tháng = 250.000đ/HS

* Tổng số học sinh: 202 trẻ

- Số học sinh đóng cả năm : 50.000đ/HS/th x 202 HS x 9th = 90.900.000đ

Tổng cộng: 90.900.000đ

1.2. Dự kiến chi:

- Chi 40% vào hỗ trợ chi lương : 90.900.000đ x 40% = 36.360.000đ

- Chi 60 % hỗ trợ chuyên môn, cơ sở vật chất, sửa chữa nhỏ :
90.900.000đ x 60% = 54.540.000đ

2. CÁC KHOẢN THU THEO THỎA THUẬN

2.1. KẾ HOẠCH THU CHI PHỤC VỤ BÁN TRÚ:

2.1.1. Tiền ăn: 1 trẻ/ngày: 13.000đ/hs/ngày

Trong đó : + Ăn chính : 9.000đ/trẻ

+ Ăn chiều (ăn Phụ) : 3.000đ/trẻ

+ Chất đốt : 1.000đ/trẻ/ngày

Dự kiến chi tiền chất đốt nấu ăn, đun nước uống cho trẻ:

T T	Nội dung chi	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền 1 tháng
1	Ga bình nhỏ (12kg)	4	Bình	310,000	1,240,000
2	Ga bình to (45Kg)	3	Bình	1.100.000	3,300,000
	Cộng:				4,540,000

4.540.000đ/tháng : 202 h/s = 22.475đ

22,475đ/tháng : 22 buổi/tháng = 1.021đ/ngày thu tròn là 1.000đ/ngày/trẻ

2.2. 2. Tiền thuê hợp đồng lao động cấp dưỡng

Thuê HDLD cấp dưỡng : 9 tháng thuê 04 cấp dưỡng

Mức lương tối thiểu của vùng 2.900.00đ/tháng : 26 ngày x 22 ngày thực tế đi làm = 2.453.000đ x 4 người = 9.812.000 đ

9.812.000đ/tháng : 202 HS = 48.574đ/tháng thu làm tròn 48.500/tháng/trẻ

2.2. Tiền vệ sinh công tác phục vụ bán trú

a. Tiền lao công :

Điểm Phú Ninh (5 lớp) : 450.000đ/th

Điểm Bắc Sơn (2 Lớp) : 180.000đ/th

Điểm Quán vuông (2 lớp) : 180.000đ/th

Tổng 3 điểm : 810.000đ/3 người/tháng : 202hs = 4.009đ/trẻ/tháng **(1)**

b. Tiền giấy vệ sinh Đức Anh :

Dự kiến 1,5 cuộn/lớp/ngày x 4.200đ/cuộn x 22 ngày = 132.000đ/lớp/th x 9 lớp = 1.247.400đ/th : 202hs = 6.175đ/trẻ/tháng **(2)**

Tổng cộng (1) + (2) = 4.009 + 6.175 = 10.184đ/trẻ/th (Làm tròn 10.000đ/trẻ/th)

2.3. Tiền mua sắm vật dụng tiêu hao bán trú dùng cho cá nhân trẻ

T T	Nội Dung	ĐVT	Sl	Đơn giá	Thanh tiền	Ghi chú
2	Xà phòng o mô	0,36 kg/ túi	27	20,000	540,000	9 lớp/3 túi
3	Nước rửa tay Lifboy	Lọ	27	35,000	945,000	9 lớp/3 lọ
4	Nước lau nhà sunlight	Chai	27	27,000	729,000	9 lớp/3 chai
5	Wim vệ sinh thải okay	Chai	18	40,000	720,000	9 lớp/2 chai
6	Nước rửa bát sunlight	1 Lít	10	30,000	300,000	3 bếp
7	Găng tay cao su	Đôi	24	20,000	480,000	9 lớp + 3 bếp/2đôi
8	Găng tay chia thực phẩm	Hộp	6	15,000	90,000	3 bếp/2 hộp
9	Khẩu trang y tế	Hộp 50 đôi	6	42,000	252,000	3 bếp/2 hộp
	Cộng tổng				4,056,000	

Lấy 4.056.000 : 202 trẻ = 20.079đ/trẻ/tháng thu làm tròn 20.000đ/trẻ/tháng

3. Khoản chi đón sớm trả muộn (Áp dụng đối với gia đình trẻ có nhu cầu)

Năm học 2016-2017 mức thu là 59.000đ/trẻ/tháng, tiền công của GV là 481.140đ/tháng

Diễn giải:

Tổng số CBGVNV trong nhà trường: 24 Trong đó : 03 CBQL - 18GV - 03 NV

Số tiền công đón sớm trả muộn cho CBQL lấy mức lương cơ bản :

$$1.300.000đ \times 3,0\% \times 1 \text{ giờ} = 39.000đ/\text{giờ}$$

Số tiền công đón sớm trả muộn cho Giáo viên lấy mức lương cơ bản :

$$1.300.000đ \times 3,2\% \times 1 \text{ giờ} = 41.600đ/\text{giờ}$$

Số tiền công đón sớm trả muộn cho nhân viên lấy mức lương cơ bản :

$$1.300.000đ \times 2,4\% \times 1 \text{ giờ} = 31.200đ$$

a, Chi trả đón sớm trả muộn cho gv (7h00 ->7h30 ; 16h30 -> 17h 30)

Tổng số giáo viên : 18 người

Tổng số giờ đón sớm trả muộn trong tháng dự kiến : 22 ngày x 1,5h = 33h/lớp/th

$$33h/2Gv/lớp = 16,5h \times 41.600 = 686.400đ/\text{th.gv} \times 18 \text{ giáo viên} = 12.355.200đ \text{ (1)}$$

Tổng số nhân viên: 03

- Trục đón sớm trả muộn trong tháng dự kiến : 15 ngày x 1h = 15h/tháng/người

- Kế toán + Y tế + Hành chính :

$$31.200đ \times 15h/ \text{ người/tháng} \times 1 \text{ người} = 468.000đ/\text{người/tháng} \times 3 \text{ người} = 1.404.000đ \text{ (2)}$$

c, Chi trả cán bộ quản lý trực đón sớm trả muộn được sự phân công phụ trách các điểm

Tổng số BGH: 03 người

- Dự kiến làm thêm giờ của Hiệu trưởng là : 16h/th x 39.000đ = 624.000đ/tháng

- Dự kiến làm thêm giờ của P.Hiệu trưởng là :

$$14h/th \times 39.000đ = 546.000đ/\text{người/tháng} \times 2 \text{ người} = 1.092.000đ/th$$

$$\text{Tổng tiền chi cho cán bộ quản lý: } 624.000 + 1.092.000 = 1.716.000đ \text{ (3)}$$

Tổng chi phí trực đón sớm trả muộn CB,GV,NV quản lý, phục vụ đón sớm trả muộn
(1) + (2) + (3) = 12.355.200 + 1.404.000 + 1.716.000 = 15.475.200 : 202 = 76.609đ/tháng thu
làm tròn 77.000đ/trẻ/tháng

4. Tiền mua sắm vật dụng dùng chung phục vụ bán trú:

a. Mua đồ dùng phục vụ bán trú học sinh mới tuyển vào trường : 46 Học sinh (1)

T T	Nội dung	Số đã có	Số cần mua	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Bát ăn cho trẻ (Inox)	0	46	Cái	368,000	Mua mới
2	Thìa (Inox)	0	46	Cái	92,000	Mua mới
3	Khăn để bàn ăn cho trẻ	0	46	Cái	184,000	Mua mới
4	Khăn mặt của trẻ	0	46	Cái	414,000	Mua mới
5	Cốc uống nước (Inox)	0	46	Cái	552,000	Mua mới

6	Bếp gas	0	1	Cái	800,000	Mua mới
	Cộng tổng				2,410,000	

Lấy 2.410.000 : 46 trẻ = 52.391đ/trẻ/năm thu tròn 52.000đ (1)

B. Mua đồ dùng phục vụ bán trú học sinh cũ tại trường : 156 học sinh (2)

T T	Nội dung	Số đã có	Số cần mua	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Bát ăn cho trẻ (Inox)	152	4	Cái	32,000	Bổ sung
2	Thìa (Inox)	132	24	Cái	48,000	Bổ sung
3	Khăn để bàn ăn cho trẻ	0	156	Cái	624,000	Mua mới
4	Khăn mặt của trẻ	0	156	Cái	1,404,000	Mua mới
5	Cốc uống nước (Inox)	124	32	Cái	384,000	Bổ sung
	Cộng tổng				2,492,000	

Lấy 2.492.000 : 156 trẻ = 15.974đ/trẻ/năm thu làm tròn 16.000đ/trẻ/năm(2)

C. Mua đồ dùng phục vụ bán trú dùng chung trẻ cũ + trẻ mới : 202 học sinh (3)

T T	Nội dung	Số đã có	Số cần mua	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Chổi mây quét nhà	4	8	Cái	280,000	Bổ sung
2	Cây lau nhà	7	4	Cái	320,000	Bổ sung
3	Chổi nhựa quét nước	9	5	Cái	140,000	Bổ sung
4	Rẻ rửa bát	0	6	Cái	18,000	Mua mới
5	Cọ nồi rửa bát	0	7	Cái	21,000	Mua mới
6	Thớt thái thức ăn (thớt 40 dày)	5	2	Cái	440,000	Bổ sung
7	Thảm lau chân	8	1	Cái	45,000	Bổ sung
8	Hộp nhựa đựng gia vị	6	6	Cái	60,000	Bổ sung
9	Rổ nhựa to	2	7	Cái	315,000	Bổ sung
10	Rổ nhựa nhỏ	6	3	Cái	96,000	Bổ sung
11	Chậu to	3	12	Cái	600,000	Bổ sung
12	Dao to	6	5	Cái	750,000	Bổ sung
13	Giáo vo gạo (bằng tre)	0	3	Cái	300,000	Mua mới

1 4	Muôi mức cơm (to)	8	1	Cái	35,000	Bổ sung
1 5	Muôi mức canh (to)	7	2	Cái	70,000	Bổ sung
1 6	Đũa nấu	0	3	Cái	45,000	Mua mới
1 7	Nạo rau củ quả	3	3	Cái	30,000	Bổ sung
1 8	Ghế nhựa	3	4	Cái	80,000	Bổ sung
1 9	Bàn chải	7	5	Cái	35,000	Bổ sung
2 0	Giá để dao thớt	2	1	Cái	130,000	Bổ sung
2 1	Chảo xào	1	2	Cái	500,000	Bổ sung
2 2	Nồi nấu nước uống	0	3	Cái	900,000	Bổ sung
2 3	Bô có nắp đậy	3	5	Cái	90,000	Bổ sung
	Cộng tổng				5,300,000	

Lấy 5.300.000 : 202 trẻ = 26.237đ/trẻ/năm thu làm chôn 26.000đ/trẻ/năm (3)

**Tổng chi phí mua đồ dùng phụ vụ bán trú học sinh mới vào trường: 46 học sinh
(1) + (3) = 52.000 + 26.000 = 78.000đ/trẻ/năm**

**Tổng chi phí mua đồ dùng phụ vụ bán trú học sinh cũ học tại trường : 156 học sinh
(2) + (3) = 16.000 + 26.000 = 42.000đ/trẻ/năm**

4. Dự kiến các khoản thu thỏa thuận

1. Tiền ăn: 13.000đ/ trẻ/ngày
2. Tiền thuê cấp dưỡng : 48.500đ/tháng/trẻ
3. Tiền giấy vệ sinh: 6.000 đ/trẻ/tháng; thuê lao công phụ vụ bán trú: 4.000đ/trẻ/th
4. Tiền đón sớm trả trễ muộn: 77.000đ/th/trẻ
5. Tiền vật dụng tiêu hao dùng cho cá nhân trẻ : 20.000đ/hs/th
6. Tiền mua sắm đồ dùng phục vụ bán trú:

a. Học sinh mới : 78.000đ/HS/năm

b. Học sinh cũ : 42.000/trẻ/năm

Tổ chức thực hiện :

Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình tại văn bản hướng dẫn SGD&ĐT Quảng Ninh, UBND thị xã Đông Triều và PGD&ĐT, kế hoạch được thông báo cho cán bộ giáo viên nhân viên trong toàn trường và triển khai trước cuộc họp ban đại diện phụ huynh nhà trường và họp phụ huynh toàn trường, kế toán thực hiện nghiêm túc các quy trình, thủ tục và mở đủ, đúng hệ thống sổ sách thu chi tài chính theo đúng quy định của nhà nước. Hiệu trưởng nhà trường chịu trách nhiệm điều hành, kiểm tra, giám sát và điều chỉnh kịp thời những vướng mắc trong quá trình thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm , kế toán , thủ quỹ có trách nhiệm tiến hành thu và quản lý thu theo đúng quy định, kế hoạch được áp dụng thực hiện kể từ ngày được thảo gở niên yển công khai.

Trên đây là dự toán thu - chi tiền mua sắm bổ xung đồ dùng phục vụ chăm sóc bán trú trong

năm học 2017 -2018 của trường mầm non Hòa Mi. Kính mong Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều quan tâm xem xét.

Người lập

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Hương

Nguyễn Thị Mến